TRƯỜNG THPT PHÚ MỸ

Năm học 2022-2023

MA TRẬN - ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN 11 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức/ kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC HIỂU	*Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa*	**Nhận biết:** Phong cách ngôn ngữ, các biện pháp tu từ, các thao tác lập luận; Các phương thức biểu đạt, thể thơ… **Thông hiểu:** - Nội dung chính của văn bản;Tác dụng của các biện pháp tu từ trong văn bản;Nghĩa của từ trong văn bản;Quan điểm của tác giả thể hiện trong văn bản **Vận dụng:** Quan điểm bản thân về một vấn đề trong văn bản, Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân.	1	1	1	0	3
2	VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI *(Khoảng 150 chữ)*	Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí *(Bàn về một khía cạnh vấn đề)*	**Nhận biết**: Xác định được tư tưởng, đạo lí cần bàn luận, Xác định được cách thức trình bày đoạn văn. **Thông hiểu**: Diễn giải về nội dung, ý nghĩa của tư tưởng, đạo lí. **Vận dụng**:Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về tư tưởng, đạo lí. **Vận dụng cao**:Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng đạo lí; Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, đoạn văn giàu sức thuyết phục.					1
		Nghị luận về một hiện tượng đời sống *(Bàn về một khía cạnh vấn đề)*	**Nhận biết**:Xác định được hiện tượng đời sống cần bàn luận.; Xác định cách thức trình bày đoạn văn. **Thông hiểu:**Hiểu được thực trạng/nguyên nhân/ các mặt lợi – hại, đúng – sai… của hiện tượng đời sống. **Vận dụng**:Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về hiện tượng đời sống. **Vận dụng cao**:Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về hiện tượng đời sống.Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, đoạn văn giàu sức thuyết phục.					

TT	Nội dung kiến thức/ kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
3	VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC	Nghị luận về một vấn đề trong tác phẩm/ một đoạn trích văn xuôi. - *"Chữ người tử tù"* (Nguyễn Tuân) - *"Chí Phèo"* (Nam Cao)	**Nhận biết**: - Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề nghị luận. - Giới thiệu tác giả, đoạn văn, nhân vật. - Nêu nội dung cảm hứng, hình tượng nhân vật, đặc điểm nghệ thuật nổi bật... của đoạn văn. **Thông hiểu**: - Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn văn theo yêu cầu của đề: những vấn đề về con người và thời đại; nghệ thuật xây dựng nhân vật, sử dụng ngôn ngữ... - Lí giải được một số đặc điểm của văn xuôi hiện đại được thể hiện trong tác phẩm/đoạn văn. **Vận dụng**: - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của đoạn văn hoặc một vấn đề trong tác phẩm. - Nhận xét về nội dung, nghệ thuật; vị trí, đóng góp của tác giả. **Vận dụng cao**: - So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục.					1
Tổng								**5**
Tỉ lệ %				**40**	**30**	**20**	**10**	**100**

TTCM

PHAN THỊ HẢI ĐƯỜNG

SỞ GD VÀ ĐT TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU
TRƯỜNG THPT PHÚ MỸ

NĂM HỌC 2022-2023

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HKI
Môn: TOÁN Khối : 11

I.Phần trắc nghiệm *(13 Câu 4 điểm)*: Gồm 12 câu 0,3 điểm và 1 câu 0,4 điểm.

Số TT	Nội dung	Các mức độ nhận thức				Tổng số câu
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	- Phương trình lượng giác cơ bản ($\sin x = a$, $\cos x = a$)	1				1
	- Giải pt bậc hai đối với 1 HSLG hoặc Giải pt $a.\sin x + b.\cos x = c$		1			1
	- Hàm số lượng giác.GTLN, GTNN của hàm số lượng giác - Phương trình lượng giác khác. Sử dụng các công thức + Hạ bậc + Nhân đôi + Tích thành tổng - Liên quan giải phương trình lượng giác có chứa tham số (**0,4đ**)			1	1	2
2	- Qui tắc đếm, hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp. - Xác suất của biến cố. - Nhị thức Newton hoặc xác suất của biến cố	1	1	1		3
	- Dãy số. (1) - Cấp số cộng. (1)	1 1	1			3
	- Tìm ảnh của đường thẳng, đường tròn qua phép tịnh tiến theo $\vec{u} = (a;b)$		1			1
3	- Đại cương về đường thẳng và mặt phẳng. - Quan hệ song song trong không gian.	1	1			2
	Tổng số	5	**5**	**2**	1	**13**
	Tỉ lệ	**15%**	**15%**	**6%**	**4%**	**40%**

II.Phần tự luận *(4 Câu 6 điểm)*:

Số TT	Nội dung	Các mức độ nhận thức				Tổng số ý
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Giải pt : dạng $\sin x = a$ hoặc $\cos x = a$ hoặc $at + b = 0$ (t là 1 HSLG) **(0,5đ)** - Giải pt bậc hai đối với 1 HSLG. **(1đ)** - Giải pt $a.\sin x + b.\cos x = c$ **(0,5đ)**	1 1	 1			3
2	- Tính xác suất của biến cố liên quan đến : hoặc con súc sắc hoặc chọn người hoặc chọn bi **(0,5đ)** - Tìm hệ số của x^k hoặc số hạng chứa x^k trong khai triển $\left(a + bx^m\right)^n$ trong đó $m \in \mathbb{Z}$ **(0,75đ)**		1	 1		2
3	- Tìm giao tuyến của 2 mp biết 1 điểm chung và điểm thứ 2 là giao điểm của 2 đt nằm trong mặt phẳng (dễ thấy). **(1đ)** (*Trong đó* ***0,25*** *là điểm hình CB*) - Hoặc chứng minh $d // (\alpha)$ hoặc tìm giao điểm của đường thẳng d với mp(α) mà $d \subset (\beta)$ và $(\alpha) \cap (\beta) = \Delta$ (dễ thấy) **(0,5đ)** - Tìm thiết diện. **(0,75đ)**	1	1	1		3
4	Tổng hợp (Phần Xác suất và biến cố) **(0,5đ)**				1	1
	Tổng số	**3**	**3**	**2**	**1**	**9**
	Tỉ lệ	**25%**	**15%**	**15%**	**5%**	**60%**

Phú Mỹ, ngày 29 tháng 11 năm 2022

TỔ TRƯỞNG

(ký, ghi rõ họ tên)

Lê Xuân Giang

MA TRẬN KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I – NĂM HỌC: 2022-2023
MÔN: VẬT LÍ - KHỐI 11
Thời gian: 45 phút

I. TRẮC NGHIỆM: (4 Điểm – 13 câu).
II. TỰ LUẬN: (5 CÂU -6 Điểm).

Tên chủ đề	Nhận biết (40%)	Thông hiểu (30%)	Vận dụng		Cộng
			Cấp độ thấp (20%)	Cấp độ cao (10%)	
1. Điện tích. Điện trường. ***4 câu Trắc nghiêm 4 x0,3=1,2đ 1.câu TL 1 điểm***	1.1. Trình bày được khái niệm điện tích điểm, đặc điểm tương tác giữa các điện tích, nội dung định luật Cu-lông. 1.2.Trình bày được nội dung thuyết êlectron, nội dung định luật bảo toàn điện tích. 1.3. Phát biểu được định nghĩa của cường độ điện trường. 1.4. Nêu được khái niệm đường sức điện và các đặc điểm của đường sức điện. 1.5. Phát biểu được đặc điểm của công dịch chuyển điện tích trong điện trường bất kì.	1.7.Nêu ý nghĩa của hằng số điện môi. 1.8. Nêu các tính chất của đường sức điện. 1.9. Lấy được ví dụ về các cách nhiễm điện và biết cách làm nhiễm điện các vật. 1.10. Phát biểu được đặc điểm của vectơ cường độ điện trường. 1.11. Hiểu và mô tả được điện trường đều. 1.12. Xác định được cường độ điện trường gây bởi các điện tích điểm. 1.13. Lập được biểu thức tính công thức của lực điện trong điện trường đều. 1.14. Trình bày được ý nghĩa, định nghĩa, đơn vị, đặc điểm của điện thế và hiệu điện thế. 1.15. Trình bày được cấu tạo của tụ điện, cách tích điện cho tụ và ý nghĩa, biểu thức, đơn vị của điện dung.	**Vận dụng cộng thức F=q.E để tính lực điện**		

Số câu	**2 câu TN**	**2 câu TN**	**1 Tự luận (1đ)**		**4TN-1TL**
2. Dòng điện không đổi **5Trắc nghiệm 5x0,3=1,5đ** **3 Tự luận -4đ**	2.1. Phát biểu được suất điện động của nguồn điện và viết được công thức thể hiện định nghĩa này. 2.2. Phát biểu được định nghĩa cường độ dòng điện và viết được công thức thể hiện định nghĩa này. 2.3. Các khái niệm về dòng điện, dòng điện không đổi, cường độ dòng điện, nguồn điện, suất điện động và điện trở trong của nguồn điện. 2.4. Nêu được công của dòng điện 2.5. Phát biểu được nội dung định luật Ohm cho toàn mạch. 2.6. Nhận biết được các loại bộ nguồn nối tiếp, song song.	2.7. Nêu được điều kiện để có dòng điện và giải thích được vì sao nguồn điện có thể duy trì hiệu điện thế giữa hai cực của nó. 2.8. Chỉ ra được mối liên hệ giữa công của lực lạ và điện năng tiêu thụ trong mạch kín 2.9. Tính được công và công suất của nguồn điện 2.10. Tự suy ra được định luật Ôm cho toàn mạch từ định luật bảo toàn năng lượng.	2.11. Vận dụng công thức đoạn mạch có các điện trở mắc nối tiếp và mắc song song giải các bài tập đơn giản liên quan. 2.13. Vận dụng công thức định luật Ôm cho toàn mạch tính toán các đại lượng trong mạch điện.	Tính hiệu điện thế giữa hai điểm, số chỉ Ampe kế, công suất cực đại…….	
Số câu	**3 TN**	**2TN-1TL(1đ) (tính nhiệt lượng hoặc công suất)**	**1 TL (mạch điện) 2đ**	**1TL 1đ**	**5TN-3TL**
3. Dòng điện trong các môi trường	3.1. Nêu được bản chất dòng điện trong kim loại.	3.5. Giải thích được một cách định tính các tính chất điện chung của kim loại dựa trên	Vận dụng công thức định luật Fa-ra-đây		

4 câu TN - 1,3đ *1 TL- 1 điểm*	3.2. Nêu được bản chất dòng điện trong chất điện phân. 3.3. Nêu được bản chất dòng điện trong chất khí. 3.4. Nêu được bản chất dòng điện trong chất bán dẫn.	thuyết electron về tính dẫn điện của kim loại, 3.6. Các ứng dụng của hiện tượng điện phân. 3.7. Nêu những đặc điểm của chất bán dẫn.	giải các bài tập đơn giản liên quan.		
Số câu	3 TN	1TN	1TL 1Đ		**4TN-1TL**
Tổng	**8TN**	**5 TN- 1TL**	**3TL**	**1 TL**	**13TN-5TL**

Phú Mỹ ngày 29 tháng 11 năm 2022

Giáo viên làm ma trận

Dương Thị Thúy Hiền

SỞ GD VÀ ĐT TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU **NĂM HỌC 2022-2023**

TRƯỜNG THPT PHÚ MỸ

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HKI

Môn: Hóa học. Lớp: 11

I. Phần trắc nghiệm *(13 câu 4 điểm)*: Mỗi câu 0,3 điểm + câu cuối 0,4 điểm

Số TT	Nội dung	Các mức độ nhận thức				Tổng số câu
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1. SỰ ĐIỆN LI.	- Xác định chất điện li, chất không điện li.	1				1
	- Axit, bazơ, muối.		1			1
	- Xác định các ion cùng tồn tại trong 1 dung dịch, không cùng tồn tại trong 1 dung dịch			1		1
	- Xác định phương trình phân tử, phương trình ion thu gọn cho phản ứng		1			1
	- Tính $[H^+]$,$[OH^-]$, trong dung dịch axit, dung dịch kiềm. - Tính pH khi trộn dung dịch axit, dung dịch kiềm					
2. NITƠ-PHOTPHO	- Tính chất vật lí, hóa học, điều chế N_2,P, NH_3, HNO_3, H_3PO_4 - Tính chất hóa học của muối NH_4^+, NO_3^-.	2				2
	- Bài toán H_3PO_4 tác dụng với dung dịch kiềm (KOH, NaOH) hay nhiệt phân muối nitrat.				1 (0,4 điểm)	1
3.CACBON-SILLIC	Vị trí cấu hình electron nguyên tử của C, Si	1				1
	- Tính chất vật lí, hóa học của C, CO, CO_2. Muối cacbonat - Tính chất hóa học của Si, SiO_2, H_2SiO_3	2				2
4. ĐẠI	- Khái niệm, đặc điểm, cấu tạo, tính chất vật lí, tính chất	1	1			2

CƯƠNG VỀ HÓA HỌC HỮU CƠ	hóa học của hợp chất hữu cơ. - Phân tích định tính, CTCT của hợp chất hữu cơ. Đồng đẳng, đồng phân - Công thức đơn giản nhất.					
	- Bài toán tính khối lượng, thành phần phần trăm khối lượng các nguyên tố trong hợp chất hữu cơ.			1		1
	Tổng số	7	3	2	1	13
	Tỉ lệ	21%	9%	7%	3%	40%

II.Phần tự luận ***(3Câu 6 điểm)*****:**

Số TT	**Nội dung**	**Các mức độ nhận thức**				**Tổng số câu**
		Nhận biết	**Thông hiểu**	**Vận dụng**	**Vận dụng cao**	
1	Viết phương trình hóa học theo sơ đồ (4 phương trình) liên quan đến N_2, P, C và các hợp chất của nó	1				1
2	Nhận biết 4 dung dịch riêng biệt không dán nhãn (trong đó có ít nhất 1 trong các ion NH_4^+, PO_4^{3-}) **Hoặc** nêu và giải thích hiện tượng cho các thí nghiệm. **Hoặc** viết phương trình hóa học chứng minh tính chất.		1			1
3	- Bài toán tính toán các đại lượng liên quan dựa vào hỗn hợp kim loại, hỗn hợp kim loại và oxit kim loại tác dụng với HNO_3 tạo ra NO, NO_2 **Hoặc** bài toán lập công thức phân tử hợp chất hữu cơ.			1(a,b)		1
	Tổng số	**1**	**1**	**½**	**1/2**	**3**
	Tỉ lệ	**20%**	**20%**	**12,5%**	**7,5%**	**60%**

Phú Mỹ, ngày 30 tháng 11 năm 2022

TỔ PHÓ CHUYÊN MÔN

Đoàn Thị Trang

SỞ GD VÀ ĐT TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU
TRƯỜNG THPT PHÚ MỸ

NĂM HỌC 2022-2023

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HKI
Môn: Sinh học. Khối :11

I.Phần trắc nghiệm *(13 Câu 4 điểm)*: Mỗi câu 0,3 điểm x 12 câu, 0,4 điểm/1câu.

Số TT	Nội dung	Các mức độ nhận thức				Tổng số câu
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	**Quang hợp ở thực vật (Bài 8, 9, 10)**	-Lục lạp là bào quan quang hợp -Hệ sắc tố quang hợp. -Nêu được tên các loài thực vật, đặc điểm của các nhóm thực vật C3, C4, CAM. -Trình bày được vai trò của sắc tố trong việc hấp thụ năng lượng ánh sáng. -Nêu được các sản phẩm của quá trình biến đổi năng lượng ánh sáng thành năng lượng hoá học (ATP và NADPH).	-Trình bày được vai trò của sản phẩm quang hợp trong tổng hợp chất hữu cơ (chủ yếu là tinh bột), đối với cây và đối với sinh giới. -Phân biệt được đặc điểm của các nhóm thực vật C3, C4 và CAM. -Các nguyên tố khoáng tham gia vào thành phần cấu trúc của bộ máy quang hợp, ảnh hưởng đến quá trình tổng hợp các sắc tố quang hợp, enzim quang hợp…	-Phân tích được ảnh hưởng của các điều kiện đến quang hợp (ánh sáng, CO_2, nhiệt độ). -Trồng cây dưới ánh sáng nhân tạo.		**10**
		5	3	2		
2	**Hô hấp ở thực vật**	-Khái niệm hô hấp ở thực vật. Viết phương trình tổng quát và vai trò của quá trình hô hấp ở thựcvật. -Các con đường hô hấp ở thực vật. trong điều kiện có ôxi và không có ôxi.		-Phân tích được ảnh hưởng của điều kiện môi trường đến hô hấp ở thực vật. -Phân tích được mối quan hệ giữa quang hợp và hô hấp.		**3**
		2		1		

	Tổng số	**7 (2,1 điểm)**	**3 (0,9 điểm)**	**3 (1 điểm)**		**13**
	Tỉ lệ	**21%**	**9%**	**10%**		**40%**

II.Phần tự luận ***(6Câu 6 điểm)*****:**

Số TT	**Nội dung**	**Các mức độ nhận thức**				**Tổng số câu**
		Nhận biết	**Thông hiểu**	**Vận dụng**	**Vận dụng cao**	
1	**Quang hợp ở thực vật (Bài 8)**	-Phát biểu được khái niệm quang hợp ở thực vật. -Viết được phương trình tổng quát quang hợp ở thực vật. -Nêu được vai trò của quang hợp ở thực vật (vai trò đối với cây, với sinh vật và sinh quyển).	-Hình thái của lá thích nghi với chức năng quang hợp. -Phân biệt pha sáng và pha tối trong quang hợp.	Giải thích những cây lá màu đỏ vẫn quang hợp.		**3**
		1	1	1		
2	**Hô hấp ở thực vật**	-Khái niệm phân giải kị khí và phân giải hiếu khí. -Hô hấp sáng. -Ý nghĩa của hô hấp ở thực vật.	-Phân biệt phân giải kị khí và phân giải hiếu khí. -Hậu quả của hô hấp sáng.		Vận dụng hiểu biết về hô hấp giải thích các vấn đề thực tiễn về bảo quản nông sản và hiện tượng cây bị ngập úng .	**3**
		1	1		1	
	Tổng số	**2 (2 điểm)**	**2 (2 điểm)**	**1 (1 điểm)**	**1 (1 điểm)**	**6**
	Tỉ lệ	**20%**	**20%**	**10%**	**10%**	**60%**

Người ra ma trận

Lê Thị Lương

Phú Mỹ, ngày 29 tháng 11 năm 2022

TỔ TRƯỞNG/PHÓ CHUYÊN MÔN

(ký, ghi rõ họ tên)

Thái T. T. Hường

SỞ GD&ĐT TỈNH BR - VT
TRƯỜNG THPT PHÚ MỸ

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I, NĂM HỌC: 2022 – 2023
MÔN: LỊCH SỬ - KHỐI 11

1. **Trắc nghiệm: 4 điểm(16 câu)**
2. **Tự luận: 6 điểm**

TT	Kiến thức/ kĩ năng	Mức độ nhận thức			
		Nhận biết	**Thông hiểu**	**Vận dụng**	**Vận dụng cao**
1	- Tình hình nước Nga trước cách mạng năm 1917. - Cách mạng tháng Hai và Mười năm 1917. - Ý nghĩa lịch sử của cách mạng tháng Mười năm 1917.	- Nguyên nhân dẫn đến cuộc cách mạng tháng Hai và Mười năm 1917. - Sơ lược diễn biến	- Nhiệm vụ của Cách mạng tháng Hai và Cách mạng tháng Mười 1917. - Tính chất của 2 cuộc cách mạng,	- Vì sao cuộc cách mạng tháng Mười 1917 là sự kiện vĩ đại nhất trong lịch sử nhân loại thế kỉ XX?	- Vai trò của Lê nin đối với cuộc cách mạng tháng Mười năm 1917 ở Nga.
2	- Chính sách kinh tế mới ? - Sự thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết. - Công cuộc xây dựng CNXH ở Liên Xô 1925-1941	- Hoàn cảnh, nội dung của chính sách kinh tế mới. - Hoàn cảnh dẫn đến thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết	- Kết quả, ý nghĩa của chính sách kinh tế mới. - Tư tưởng chỉ đạo cơ bản của Lê nin.	- Thành tựu quan trọng của Liên Xô trong công cuộc xây dựng CNXH (1925-1941)	
3	- Sự thiết lập trật tự thế giới mới được sau chiến tranh thế giới thứ nhất? - Cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1929-1933 và hậu quả của nó.	- Hoàn cảnh, nội dung và kết quả của hội nghị ở Vecxai và Oasinhton. - Nguyên nhân và hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933	- Tính chất của trật tự thế giới mới sau chiến tranh thế giới thứ nhất	- Hậu quả nghiệm trọng nhất của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933.	- Vì sao cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 dẫn đến nguy cơ một cuộc chiến tranh thế giới mới?
Số câu/số điểm		**7 (1,75 điểm) 1 câu tự luận**	**6 (1, 5 điểm) 1 câu tự luận**	**2 (0,5 điểm) 1 câu tự luân**	**1 (0,25 điểm) 1 câu tự luận**
Tỉ lệ		**40%**	**30%**	**20%**	**10%**

Phú Mỹ, ngày 01 tháng 12 năm 2022.

TPCM

Lê Thị Thủy

SỞ GD VÀ ĐT TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU

TRƯỜNG THPT PHÚ MỸ

NĂM HỌC 2022-2023

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HKI

Môn: Địa lí; Khối : 11

I. Phần trắc nghiệm *(16 Câu; 4.0 điểm)*: Mỗi câu 0,25 điểm.

Số TT	Chủ đề /Nội dung	Các mức độ nhận thức				Tổng số câu/ Điểm
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao	
I. HOA KÌ	1. Tự nhiên và dân cư Hoa Kì	- Trình bày được vị trí địa lí và lãnh thổ của Hoa Kì. - Trình bày được về địa hình, khí hậu, tài nguyên của 3 vùng tự nhiên của Hoa Kì (Vùng phía Tây, vùng trung tâm, vùng phía Đông). - Trình bày được đặc điểm dân số, thành phần dân cư và sự phân bố dân cư Hoa Kì.	- Phân tích được những thuận lợi của vị trí địa lí của Hoa Kì. - Lãnh thổ HK gồm mấy bộ phận? Bộ phận nào quan trọng nhất. Vì sao? - Phân tích ảnh hưởng của sự gia tăng dân số đối với phát triển nền kinh tế Hoa Kì.	- Nhận xét và giải thích sự phân bố dân cư HK. Giải thích được nguyên nhân. - chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp của HK		
	2. Kinh tế Hoa Kì	- Trình bày được quy mô nền kinh tế Hoa Kì. -Trình bày được đặc điểm chính về các ngành kinh tế của Hoa Kì (DV, CN ,NN)	- Trình bày những nguyên nhân ảnh hưởng đến sự phân hóa lãnh thổ SX nông nghiệp của HK.			

	20% tổng số điểm= 2,0 điểm	***04 câu= 1,0 điểm 10% tổng số điểm***	***02 câu= 0,5 điểm 5 %tổng số điểm***	***02 câu = 0,5 điểm (5% tổng số điểm)***		***08 câu=2,0 điểm***
II. EU	**EU-Liên minh khu vực lớn trên TG**	- Trình bày được sự ra đời và phát triển của EU. - Mục đích và thể chế của EU.	- Kể tên các cơ quan đầu não của EU (Hình 7.4 trang 49 SGK), cơ quan nào quan trọng nhất? - Mối quan hệ của EU đối với các nước bên ngoài EU. - Chứng minh EU là tổ chức thương mại hàng đầu TG.	- Chứng minh được EU là Trung tâm kinh tế hàng đầu TG		
	20% tổng số điểm = 2,0 điểm	***04 câu= 1,0 điểm (10 % tổng số điểm)***	***02 câu= 0,5 điểm (5 % tổng số điểm)***	***02 câu= 0,5 điểm (5% tổng số điểm)***		***08 câu = 2,0 điểm***
	Tổng số	**08 câu = 2,0 điểm**	**04 câu= 1,0 điểm**	**04 câu= 1,0 điểm**		**16 câu=4 điểm**
	Tỉ lệ:	**20%**	**10%**	**10%**		**40 %**

II. Phần tự luận *(04 Câu: 6,0 điểm)*:

Số TT	**Nội dung**	**Các mức độ nhận thức**				**Tổng số câu/ điểm**
		Nhận biết	**Thông hiểu**	**Vận dụng**	**Vận dụng cao**	
I.	**1. Tự nhiên và dân cư Hoa Kì**	- Trình bày được đặc điểm dân số, thành phần dân cư và sự phân bố dân cư Hoa Kì.	- Trình bày được vị trí địa lí của Hoa Kì.	- Nhận xét và giải thích được	Dựa vào bảng 6.3 trang 41 SGK, vẽ biểu đồ so sánh	

HOA KÌ	**2. Kinh tế Hoa Kì**	-Trình bày được đặc điểm chính về các ngành kinh tế của Hoa Kì (DV, CN ,NN)	- Phân tích được những thuận lợi của vị trí địa lí của Hoa Kì. - Lãnh thổ HK gồm mấy bộ phận? Bộ phận nào quan trọng nhất. Vì sao? -Trình bày sự chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp và cơ cấu CN theo lãnh thổ và giải thích nguyên nhân.	sự phân bố dân cư HK. Giải thích được nguyên nhân. - chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp của HK	GDP của Hoa Kì với TG và một số châu lục.	
II. EU	**EU-Liên minh khu vực lớn trên TG**	- Trình bày được sự ra đời và phát triển của EU. - Mục đích và thể chế của EU.			Vẽ được biểu đồ tròn và nhận xét những nội dung có liên quan đến bài EU và HK.	
	Số câu	**01 câu = 2 điểm**	**01 câu = 2 điểm**	**01 câu = 1,0 điểm**	**01 câu= 1,0 điểm**	**04 câu= 6 điểm**
	Tỉ lệ	**20%**	**20%**	**10%**	**10%**	**60%**

Phú Mỹ, ngày 03 tháng 12 năm 2022

TỔ TRƯỞNG

(ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Thành

SỞ GD VÀ ĐT TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU
TRƯỜNG THPT PHÚ MỸ

NĂM HỌC 2022-2023

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HKI

Môn: GDCD. Khối: 11

I. Phần trắc nghiệm: 16 câu (4 điểm). Mỗi câu 0,25 điểm.

Stt	Chủ đề (Nội dung)	Các mức độ nhận thức				Tổng số câu
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	- Cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hoá	-Nêu được khái niệm cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hoá . -Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh	- Hiểu được mục đích của cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hoá			
		02	01	0	0	03
2	-- Cung, cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hoá	-Nêu được khái niệm cung ,cầu. -Hiểu được mối quan hệ cung ,cầu. -Nêu được sự vận dụng cung ,cầu.	-Phân tích nội dung của quan hệ cung ,cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hoá	- Giải thích ảnh hưởng của giá cả thị trường ảnh hưởng đến cung ,cầu của một số loại sản phẩm ở địa phương	-Vận dụng quan hệ cung ,cầu trong thực tiễn ở địa phương.	
		02	03	01	01	7
3	- Công nghiệp hoá , hiện ại hoá đất nước.	-Trình bày khái niệm Công nghiệp hoá ,hiện đại hoá đất nước -Vì sao phải thực hiện công nghiệp hoá ,hiện đại hoá đất nước. -Nêu được nội dung cơ bản của công nghiệp hoá ,hiện đại hoá ở nước ta.	-Phân tích nội dung cơ bản của công nghiệp hoá ,hiện đại hoá ở nước ta	- Giải thích được tính tất yếu nước ta phải tiến hành công nghiệp hoá,hiện đại hoá.thấy được tác dụng to lớn của công nghiệp hoá ,hiện đại hoá ở		

		-Hiểu dược trách nhiệm của công dân trong sự nghiệp công nghiệp hoá ,hiện dại hoá đất nước.		nước ta.		
		03	02	01	0	06
	Tổng số	**07**	**06**	**02**	**01**	**16**
	Tỷ lệ	**43%**	**38%**	**13%**	**6%**	**100%**

II. Phần tự luận: 6 điểm.

Stt	Chủ đề (Nội dung)	Các mức độ nhận thức				Tổng số câu
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	- Cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hoá	Nêu được khái niệm cạnh tranhtrong sản xuất và lưu thông hàng hoá . -Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh	- Hiểu được mục đích của cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hoá	- Phân biệt được khái niệm cạnh tranh lành mạnh và khái niệm cạnh tranh hông lành mạnh		01
2	-- Cung, cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hoá	-Nêu được khái niệm cung ,cầu. -Hiểu được mối quan hệ cung ,cầu. -Nêu được sự vận dụng cung ,cầu.	Phân tích nội dung của quan hệ cung ,cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hoá	Giai thích ảnh hưởng của giá cả thị trường ảnh hưởng đến cung ,cầu của một số loại sản phẩm ở địa phương	-Vận dụng quan hệ cung ,cầu trong thực tiễn ở địa phương.	02
3	- Công nghiệp hoá , hiện dại hoá đất nước.	-Trình bày khái niệm Công nghiệp hoá ,hiện đại hoá đất nước -Vì sao phải công nghiệp hoá ,hiện đại hoá đất nước. -Nêu được nội dung cơ bản của công nghiệp hoá ,hiện đại hoá ở nước ta.	-Phân tích nội dung cơ bản của công nghiệp hoá ,hiện đại hoá ở nước ta	Giai thích được tính tất yếu nước ta phải tiến hành công nghiệp hoá,hiện đại hoá.thấy được tác dụng to lớn của công nghiệp hoá ,hiện đại hoá ở		02

		-Hiểu dược trách nhiệm của công dân trong sự nghiệp công nghiệp hoá ,hiện dại hoá đất nước.		nước ta.		
	Tổng số	2	**1**	1	1	5
	Tỷ lệ	40%	20%	20%	20%	100%

Phú Mỹ, ngày 4 tháng 12 năm 2022

TỔ PHÓ CHUYÊN MÔN

(ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Nhật Than h Giang

SỞ GD&DT BÀ RỊA_VŨNG TÀU **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HKI- NĂM HỌC 2022-2023**

TRƯỜNG THPT PHÚ MỸ **Môn: Tiếng Anh - KHỐI 11 - Thời gian làm bài: 50 phút**

I. Phần trắc nghiệm *(28 Câu / 7 điểm)*: Mỗi câu 0.25 điểm.

Stt	Dạng bài	Nội dung kiến thức	Mức độ				Tổng số điểm
			NB	TH	VDT	VDC	
1	**LISTENING**	- Multiple choice questions - Gap- filling	3	2	2	1	0,25 x 8 = 2.0
2	**PHONETICS**	- Sound (Unit 1,2,3,4,6,7)	1				0.25 x 2 = 0.5
		- Stress (two/ three syllable word)		1			
3	**LEXICO-GRAMMAR**	- Word choice		1			0.25 x 10=2,5
		- Word form		1			
		- Synonym	1				
		- Verb form (gerund/inf./passive gerund/ passive inf./ perfect gerund)		1			
		- Reported speech with gerund		1			
		- Prepositions (Unit 1,2,3,4,6,7,8)	1				
		- Errors: Gerund/ To inf/ Bare inf/ Tense/ If sentence (type2/3)	1		1		
		- Connector		1			
		- Communication	1				
4	**Lexical reading**	Preposition, Conjunction, Structure, Vocabulary, Word form	1	1	1	1	0.25 x 4 = 1.0
5	**Reading comprehension**	Main idea, details, reference, synonym	1	1	1	1	0.25 x 4= 1.0
Tổng cộng			**10**	**10**	**5**	**3**	**28 câu**

II. Phần tự luận 1 *(4 Câu/ 2 điểm)*: Mỗi câu 0.5 điểm

Stt	Dạng bài	Nội dung kiến thức	Mức độ				Tổng số điểm
			NB	TH	VDT	VDC	
1	**Sentence transformation - Sentence combination**	- Tense (S. past >< Past perfect)		1			0.5 x 4 = 2,0
		- Sentence Combination (Perfect participle)			1		
		- Conditional Sentence in Reported Speech		1			
		- Reported Speech with Gerund			1		
Tổng cộng			**1**	**1**	**2**	**0**	**4 câu**

III. Phần tự luận 2 ***(1 Câu/ 1 điểm)***

Stt	Dạng bài	Nội dung kiến thức	Mức độ				Tổng số điểm
			NB	TH	VDT	VDC	
1	**Paragraph writing**	Topics related to friendship/ experiences/ competitions. (100 – 120 words)	1	1	1	1	0.25 x 4 = 1,0

- Nội dung kiến thức: Bài 1,2,3,4,6,7 (40% đề cương)
- Nội dung bài đọc hiểu bám sát chủ đề của SGK 11
- Nội dung đề kiểm tra có thể thay đổi trong phạm vi 10% so với ma trận
- Mức độ: Nhận biết 40%, thông hiểu 30%, vận dụng thấp 20%, vận dụng cao 10%.

Phú Mỹ, ngày 29 tháng 11 năm 2023

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN

(ký, ghi rõ họ tên)

Lê Thụy Minh Tâm

SỞ GD&DT BÀ RỊA_VŨNG TÀU **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HKI- NĂM HỌC 2022-2023**

TRƯỜNG THPT PHÚ MỸ **Môn: Tiếng Nhật - KHỐI 11 - Thời gian làm bài: 45 phút**

I. Phần trắc nghiệm ***(13 câu, 4 điểm trong đó: 12 câu 0.3 điểm, 1 câu 0.4 điểm)***

Stt	Dạng bài	Nội dung kiến thức	Mức độ				Tổng số điểm
			NB	TH	VDT	VDC	
1	Chọn từ đúng	Từ vựng bài 7	2				11x0.3=3.3 đ
		Từ vựng bài 8	2	2			
		Từ vựng bài 9	2	2	1		
2	Đọc chữ Katakana	Tỉnh thành của VN			1		1x0,3=0.3đ
		Đọc tên Quốc gia				1	1x0.4=0.4đ
Tổng số câu			**6**	**4**	**2**	**1**	**13 câu**

II. Phần tự luận (5 câu, 6 điểm)

Stt	Dạng bài	Nội dung kiến thức	Mức độ				Tổng số điểm
			NB	TH	VDT	VDC	
1	Điền trợ từ	Trợ từ は、が、か、も、と	3	2			5x0.2=1đ
2	Điền từ còn thiếu vào chỗ trống	Cấu trúc: ～は～がすきです。 Cấu trúc: ～は N です。(N chỉ nghề nghiệp, quốc tịch, tên)	4	3		1	8x0.25=2đ
3	Viết từ vựng	Từ vựng Katakana	4				4x0.25=1đ
4	Trả lời câu hỏi	Trả lời câu hỏi theo thực tế bản thân		4			4x0.25=1đ
5	Viết đoạn văn (4 câu hoàn chỉnh)	Tạo 1 profile ấn tượng theo gợi ý: chào hỏi, giới thiệu tên, nghề nghiệp tương lai mong muốn, món ăn yêu thích, người mà em thích…			4		4x0.25=1đ
Tổng số câu			**10**	**9**	**4**	**1**	**24 câu**

- Nội dung kiến thức: bài 7, bài 8, bài 9 SGK tiếng Nhật 6 (100% trong SGK)
- Mức độ: nhận biết 45%, thông hiểu 35%, vận dụng thấp 15 %, vận dụng cao 5%

Phú Mỹ, ngày 01 tháng 12 năm 2022

Tổ Trưởng

Lê Thụy Minh Tâm

TRƯỜNG THPT PHÚ MỸ
TỔ: GDTC -QPAN – CN - TIN

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ 1
NĂM HỌC 2022-2023
MÔN: CÔNG NGHỆ
LỚP: 11

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Bài 1: Tiêu chuẩn trình bày bản vẽ kĩ thuật

Câu 1. Tỉ lệ bản vẽ là tỉ số giữa:

A. Kích thước đo được trên vật thể và kích thước tương đương trên vật thể đó.

B. Kích thước đo được trên vật thể và kích thước đo được trên hình biểu diễn của vật thể.

C. Kích thước đo được trên hình biểu diễn của vật thể và kích thước thực tương ứng trên vật thể đó.

D. Kích thước đo được trên hình biểu diễn của vật thể và kích thước trên hình biểu diễn.

Câu 2. Dựa vào những yếu tố nào để chọn tỉ lệ bản vẽ cho phù hợp?

A. Kích thước vật thể
B. Kích thước vật thể và khổ giấy
C. Kích thước khổ giấy
D. Hình dạng vật thể và khổ giấy

Câu 3. Khi kẻ khung bản vẽ người ta sử dụng loại nét vẽ nào?

A. Nét liền mảnh
B. Nét đứt mảnh
C. Nét liền đậm
D. Nét chấm gạch mảnh

Câu 4. Khi vẽ đường bao thấy người ta sử dụng loại nét vẽ nào?

A. Nét liền mảnh
B. Nét đứt mảnh
C. Nét liền đậm
D. Nét chấm gạch mảnh

Câu 5. Khi vẽ đường bao khuất người ta sử dụng loại nét vẽ nào?

A. Nét liền mảnh
B. Nét đứt mảnh
C. Nét liền đậm
D. Nét chấm gạch mảnh

Câu 6. Khi vẽ đường gióng người ta sử dụng loại nét vẽ nào?

A. Nét liền mảnh
B. Nét đứt mảnh
C. Nét liền đậm
D. Nét chấm gạch mảnh

Câu 7. Khi vẽ đường kích thước người ta sử dụng loại nét vẽ nào?

A. Nét liền mảnh
B. Nét đứt mảnh
C. Nét liền đậm
D. Nét chấm gạch mảnh

Câu 8. Khi vẽ đường tâm của hình tròn người ta sử dụng loại nét vẽ nào?

A. Nét liền mảnh
B. Nét đứt mảnh
C. Nét liền đậm
D. Nét gạch chấm mảnh

Câu 9. Khi vẽ đường trục người ta sử dụng loại nét vẽ nào?

A. Nét liền mảnh
B. Nét đứt mảnh
C. Nét liền đậm
D. Nét gạch chấm mảnh

Câu 10. Chọn đáp án sai về việc sử dụng nét liền mảnh trong bản vẽ kĩ thuật?

A. Dùng cho đường kích thước.
B. Dùng cho đường gióng.
C. Dùng cho đường gạch gạch trên mặt cắt.
D. Dùng cho đường bao thấy.

Câu 11. Phát biểu nào sau đây đúng?

A. Đường kích thước thẳng đứng, con số kích thước ghi bên phải, ghi từ trái sang phải
B. Đường kích thước nằm ngang, con số kích thước ghi bên trên, ghi từ trái sang phải
C. Đường kích thước nằm nghiêng, con số kích thước ghi bên dưới, ghi từ dưới lên
D. Ghi kí hiệu R trước con số chỉ kích thước đường kính đường tròn

Câu 12. Phát biểu nào sau đây sai?

A. Nét liền mảnh biểu diễn đường kích thước
B. Nét liền đậm biểu diễn đường bao thấy
C. Nét gạch chấm mảnh biểu diễn đường tâm
D. Nét lượn sóng biểu diễn đường gióng

Bài 2 : Hình chiếu vuông góc

Câu 1. Phương pháp chiếu góc thứ nhất, mặt phẳng hình chiếu đứng ở phía nào của vật thể?

A. Ở phía trước của vật thể.
B. Ở phía sau của vật thể.
C. Ở phía bên phải của vật thể.
D. Ở phía bên trái của vật thể.

Câu 2. Phương pháp chiếu góc thứ nhất, mặt phẳng hình chiếu cạnh ở phía nào của vật thể?

A. Ở phía trước của vật thể.
B. Ở phía sau của vật thể.
C. Ở phía bên phải của vật thể.
D. Ở phía bên trái của vật thể.

Câu 3. Phương pháp chiếu góc thứ nhất, mặt phẳng hình chiếu bằng ở phía nào của vật thể?

A. Ở phía dưới của vật thể.
B. Ở phía trên của vật thể.
C. Ở phía bên phải của vật thể.
D. Ở phía bên trái của vật thể.

Câu 4. Phương pháp chiếu góc thứ nhất, để nhận được hình chiếu đứng ta chiếu vuông góc với mặt phẳng hình chiếu từ:

A. Trước vào
B. Trên xuống
C. Trái sang
D. Dưới lên

Câu 5. Phương pháp chiếu góc thứ nhất, để nhận được hình chiếu cạnh ta chiếu vuông góc với mặt phẳng hình chiếu từ:

A. Trước vào
B. Trên xuống
C. Trái sang
D. Dưới lên

Câu 6. Phương pháp chiếu góc thứ nhất, để nhận được hình chiếu bằng ta chiếu vuông góc với mặt phẳng hình chiếu từ:

A. Trước vào
B. Trên xuống
C. Trái sang
D. Dưới lên

Câu 7. Cho vật thể bất kì có các hình chiếu vuông góc được đánh số như sau:

- Số 1: hình chiếu đứng

- Số 2: hình chiếu cạnh

- Số 3: hình chiếu bằng

Em hãy cho biết vị trí các hình chiếu trên bản vẽ kĩ thuật theo phương pháp chiếu góc thứ nhất?

A. 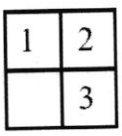

B. 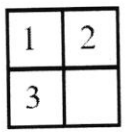

C. 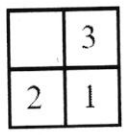

D. 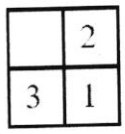

Bài 4: Mặt cắt và hình cắt

Câu 1. Hình cắt một nữa dùng để biểu diễn vật thể có hình dạng gì?

A. Đơn giản. B. Phức tạp C. Đối xứng. D. A, B, C đúng.

Câu 2. Hình cắt là gì?

A. Hình biểu diễn mặt cắt và các đường bao của vật thể sau mặt phẳng cắt.

B. Hình biểu diễn các đường bao của vật thể nằm trên mặt phẳng cắt.

C. Hình biểu diễn các đường gạch gạch và đường bao bên ngoài vật thể.

D. Hình biểu diễn các đường bao của vật thể sau mặt phẳng cắt.

Câu 3. Mặt cắt là gì?

A. Là hình biểu diễn các đường bao của vật thể nằm trên mặt phẳng cắt

B. Là hình biểu diễn các đường bao của vật thể nằm trên mặt phẳng hình chiếu

C. Là hình biểu diễn các đường bao của vật thể nằm dưới mặt phẳng hình chiếu

D. Là hình biểu diễn các đường bao của vật thể nằm dưới mặt phẳng cắt

Câu 4. Hình cắt nào thể hiện được nửa hình dạng bên ngoài và nửa hình dạng bên trong của vật thể?

A. Hình cắt toàn bộ B. Hình cắt một nửa C. Hình cắt cục bộ D. Cả 3 đáp án trên

Câu 5. Hình cắt nào sử dụng một mặt phẳng cắt và dùng để biểu diễn hình dạng bên trong vật thể?

A. Hình cắt toàn bộ B. Hình cắt một nửa C. Hình cắt cục bộ D. Cả 3 đáp án trên

Câu 6. Chọn đáp án sai về đặc điểm mặt cắt chập?

A. Vẽ trên hình chiếu tương ứng. B. Đường bao vẽ bằng nét liền mảnh.

C. Dùng cho mặt cắt có hình dạng đơn giản. D. Dùng cho mặt cắt có hình dạng phức tạp.

Câu 7. Chọn phát biểu đúng về mặt cắt rời?

A. Vẽ trên hình chiếu, đường bao là nét liền đậm, liên hệ với hình chiếu bằng nét gạch chấm mảnh.

B. Vẽ ngoài hình chiếu, đường bao là nét liền mảnh, liên hệ với hình chiếu bằng nét gạch chấm mảnh.

C. Vẽ ngoài hình chiếu, đường bao là nét liền đậm, liên hệ với hình chiếu bằng nét gạch chấm mảnh.

D. Vẽ trên hình chiếu, đường bao là nét liền mảnh, liên hệ với hình chiếu bằng nét gạch chấm mảnh.

Câu 8. Phát biểu nào sau đây đúng?

A. Hình cắt toàn bộ dùng một mặt phẳng cắt, biểu diễn một phần vật thể dưới dạng hình cắt

B. Hình cắt một nửa dùng nửa mặt phẳng cắt, biểu diễn một phần vật thể dưới dạng hình cắt

C. Hình cắt riêng phần biểu diễn một phần vật thể dạng hình cắt, đường phân cắt vẽ bằng nét liền đậm

D. Hình cắt cục bộ biểu diễn một phần vật thể dạng hình cắt, đường phân cắt vẽ bằng nét lượn sóng

Câu 9. Hãy chọn phát biểu đúng về hình cắt một nửa?

A. Hình biểu diễn gồm một nửa hình cắt ghép với một nửa hình chiếu

B. Dùng để biểu diễn vật thể đối xứng

C. Đường phân cách vẽ bằng nét gạch chấm mảnh

D. Cả 3 câu A, B, C đúng

Bài 5 : Hình chiếu trục đo

Câu 1. Góc trục đo của hình chiếu trục đo vuông góc đều là:

A. $\widehat{X'O'Y'} = \widehat{Y'O'Z'} = 90^0 ; \widehat{X'O'Z'} = 135^0$

B. $\widehat{X'O'Y'} = \widehat{Y'O'Z'} = 135^0 ; \widehat{X'O'Z'} = 90^0$

C. $\widehat{X'O'Y'} = \widehat{Y'O'Z'} = \widehat{X'O'Z'} = 120^0$

D. $\widehat{X'O'Y'} = \widehat{Y'O'Z'} = \widehat{X'O'Z'} = 135^0$

Câu 2. Góc trục đo của hình chiếu trục đo xiên góc cân có:

A. $\widehat{X'O'Y'} = \widehat{Y'O'Z'} = 90^0 ; \widehat{X'O'Z'} = 135^0$

B. $\widehat{X'O'Y'} = \widehat{Y'O'Z'} = 135^0 ; \widehat{X'O'Z'} = 90^0$

C. $\widehat{X'O'Y'} = \widehat{Y'O'Z'} = \widehat{X'O'Z'} = 120^0$

D. $\widehat{X'O'Y'} = \widehat{Y'O'Z'} = \widehat{X'O'Z'} = 135^0$

Câu 3. Hình chiếu trục đo vuông góc đều có hệ số biến dạng là:

A. p = q = r = 0,5. B. p = r = 1; q = 0,5 C. p = q = r = 1 D. p = q = 1; r = 0,5

Câu 4. Hình chiếu trục đo được xây dựng dựa trên phép chiếu nào?

A. Phép chiếu song song

B. Phép chiếu vuông góc

C. Phép chiếu xuyên tâm

D. Phép chiếu góc thứ nhất

Câu 5. Hình chiếu trục đo có mấy thông số cơ bản?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 6.Thông số cơ bản của hình chiếu trục đo là gì?

A. Góc trục đo, tỉ lệ vẽ

B. Góc trục đo, kích thước vật

C. Góc trục đo, hệ số góc

D. Góc trục đo, hệ số biến dạng

Câu 7. Phát biểu nào sau đây đúng?

A. p là hệ số biến dạng theo trục O'X'

B. r là hệ số biến dạng theo trục O'Y'

C. q là hệ số biến dạng theo trục O'Z'

D. x là hệ số biến dạng theo trục O'X'

Câu 8. Hình chiếu trục đo là hình biểu diễn:

A. 2 chiều vật thể, được xây dựng theo phép chiếu vuông góc

B. 4 chiều vật thể, được xây dựng theo phép chiếu song song

C. 3 chiều vật thể, được xây dựng theo phép chiếu song song

D. 3 chiều vật thể. được xây dựng theo phép chiếu xuyên tâm

Câu 9. Hình chiếu trục đo xiên góc cân có hệ số biến dạng là gì?

A. p = r = q = 1 B. p = r = 0,5, q = 1 C. p = r = q= 0,5 D. p = r = 1, q = 0,5

Câu 10: Trong hệ trục đo của hình chiếu trục đo xiên góc cân nếu O'X' vuông góc O'Y' thì các hệ số biến dạng có giá trị như thế nào?

A. p = q = r = 0,5. B. p = r = 1; q = 0,5 C. p = q = r = 1 D. p = q = 1; r = 0,5

Bài 7: Hình chiếu phối cảnh

Câu 1. Hình chiếu phối cảnh 1 điểm tụ nhận được khi mặt tranh ..... với 1 mặt của vật thể.

A. song song B. không song song C. vuông góc D. cắt nhau

Câu 2. Hình chiếu phối cảnh là hình biểu diễn được xây dựng bằng phép chiếu:

A. Song song B. Vuông góc C. Xuyên tâm D. Bất kì

Câu 3. Mặt tranh là mặt phẳng nào?

A. Mặt phẳng nằm ngang đặt vật thể

B. Mặt phẳng thẳng đứng tưởng tượng

C. Mặt phẳng đặt góc nghiêng

D. Mặt phẳng nằm ngang đi qua điểm nhìn

Câu 4. Mặt phẳng tầm mắt là mặt phẳng nào?

A. Mặt phẳng nằm ngang đặt vật thể

B. Mặt phẳng thẳng đứng tưởng tượng

C. Mặt phẳng nằm ngang đi qua điểm nhìn

D. Mặt phẳng hình chiếu

.Câu 5. Đường chân trời là đường thẳng giao giữa:

A. Mặt phẳng tầm mắt và mặt tranh

B. Mặt phẳng vật thể và mặt phẳng tầm mắt

C. Mặt phẳng vật thể và mặt tranh

D. Mặt phẳng hình chiếu và mặt phẳng vật thể

Câu 6. Hình chiếu phối cảnh một điểm tụ nhận được khi nào?

A. Mặt tranh không song song với mặt nào của vật thể

B. Mặt tranh song song với một mặt của vật thể

C. Mặt tranh song song với mặt phẳng đặt vật thể

D. Mặt tranh song song với mặt phẳng tầm mắt

Câu 7. Hình chiếu phối cảnh hai điểm tụ nhận được khi nào?

A. Mặt tranh không song song với một mặt nào của vật thể

B. Mặt tranh song song với một mặt của vật thể

C. Mặt tranh song song với mặt phẳng đặt vật thể

D. Mặt tranh song song với mặt phẳng tầm mắt

Câu 8. Chọn phát biểu sai?

A. Hình chiếu phối cảnh tạo ra cho người xem ấn tượng về khoảng cách xa gần

B. Hình chiếu phối cảnh được xây dựng bằng phép chiếu xuyên tâm

C. Hình chiếu phối cảnh 1 điểm tụ nhận được khi mặt tranh song song với một mặt vật thể

D. Hình chiếu phối cảnh 2 điểm tụ nhận được khi mặt tranh song song với một mặt vật thể

II. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1: Tiêu chuẩn trình bày bản vẽ kĩ thuật.

Bài 2: Hình chiếu vuông góc

Bài 4: Hình cắt - mặt cắt

Bài 5: Hình chiếu trục đo

.....HẾT.....

Phú Mỹ, ngày 30 tháng 11 năm 2022

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN

Mai Thị Công Minh

SỞ GD VÀ ĐT TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU

TRƯỜNG THPT PHÚ MỸ

NĂM HỌC 2022 - 2023

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HKI

Môn: Công nghệ - Khối: 11

I. Phần trắc nghiệm: 13 câu/4 điểm (12 câu x 0,3 + 1 câu x 0,4 = 4 điểm)

Bài	Nội dung	Các mức độ nhận thức				Tổng số câu
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	1. Tiêu chuẩn trình bày bản vẽ kĩ thuật	1	0	0	0	1
2	2. Phương pháp chiếu góc thứ nhất	0	1	0	0	1
4	3. Khái niệm	1	0	0	0	1
	4. Mặt cắt	0	1	0	0	1
	5. Hình cắt	0	1	0	0	1
5	6. Khái niệm	1	0	0	0	1
	7. Hình chiếu trục đo vuông góc đều	1	0	1	0	2
	8. Hình chiếu trục xiên góc cân	1	0	1	1	3
7	9. Khái niệm	1	0	0	0	1
	10. Các loại hình chiếu phối cảnh	0	1	0	0	1
	Tổng số	**6**	**4**	**2**	**1**	**13**
	Tỉ lệ	**46,1%**	**30,7%**	**15,4%**	**7,8%**	**100%**

II. Phần tự luận *(5 Câu 6 điểm)*: 2 câu NB x 1 điểm; 2 câu TH x 1 điểm, 1 câu VDT x 2 điểm.

Số TT	Nội dung	Các mức độ nhận thức				Tổng số câu
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Tiêu chuẩn trình bày bản vẽ kĩ thuật	1				1
2	Hình chiếu vuông góc	1				1
3	Hình chiếu trục đo xiên góc cân		1			1
4	Hình chiếu trục đo vuông góc đều		1			1
5	Hình cắt - Mặt cắt			1		1
	Tổng số	**2**	**2**	**1**	**0**	**5**
	Tỉ lệ	**40%**	**40%**	**20%**	**0,0%**	**100%**

Phú Mỹ, ngày 30 tháng 11 năm 2022

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN

Mai Thị Công Minh

Trường THPT Phú Mỹ

Tổ: GDTC-QPAN-CN-TIN

Ma Trận và đề kiểm tra cuối học kỳ I

năm học 2022– 2023

MÔN: Giáo Dục Thể Chất khối 11

Thời gian làm bài: 45 phút

I. Ma trận

Chủ đề (Nội dung)	**Nhận biết và thông hiểu**		**Nội dung kiến thức vận dụng**		**Cộng**
	Nhận biết (Cấp độ 1)	***Thông hiểu (Cấp độ 2)***	***Cấp độ thấp (Cấp độ 3)***	***Cấp độ cao (Cấp độ 4)***	
Chủ đề 2 TTTC: Kỹ thuật bơi ếch.	(Chuẩn KTKN cần KT) - Nắm và thực hiện cơ bản được các kỹ thuật. _ Thực hiện cơ bản được các kỹ thuật.		(Chuẩn KTKN cần KT) - Phối hợp được các kỹ thuật bơi ếch.	(Chuẩn KTKN cầnKT). - Thực hiện được các kỹ thuật và cự ly 25m.	
Số câu TL **Số điểm** **Tỉ lệ**	1 Đạt 50%-		1 Đạt 30%	1 Đạt 20%	3 Đạt 100%

II. Nội dung kiểm tra: Thực hành.

Hãy thực hiện kỹ thuật bơi ếch từ 15m- 25m.

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ KIỂM TRA 45 PHÚT

Nam: Đạt: Thực hiện đúng kỹ thuật, cự ly bơi từ 15m trở lên.

Chưa đạt: Các trường hợp còn lại.

Nữ: Đạt: Thực hiện đúng kỹ thuật , cự ly bơi từ 15m - 25m.

Chưa đạt: Các trường hợp còn lại.

Phú Mỹ, *ngày 1 tháng 12 năm 2022*

TM Chuyên môn

Vũ Hữu Bình

SỞ GD VÀ ĐT TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU

TRƯỜNG THPT PHÚ MỸ

NĂM HỌC 2022-2023

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HKI Môn: QP.AN Khối: 11

Nội dung/chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Tổng
Bài 4: Giới thiệu súng tiểu liên AK và súng trường CKC	1	1	1		
Bài 5: Kĩ thuật bắn súng tiểu liên AK và súng trường CKC	1			1	
Số câu	2	1	1	1	5
Số điểm	2	2	3	3	10
Tỉ lệ	40%	20%	20%	20%	100%

Phú Mỹ, ngày 02 tháng 12 Năm 2022

TM chuyên môn

Vũ Hữu Bình